

305.895 105 977 5

ĐC

NG 558 H

NH UỶ ĐỒNG NAI

Người Hoa ở ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Người Hoa ở Đồng Nai

NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

Bản quyền thuộc về Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.

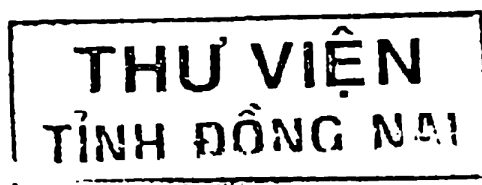
Mọi sự sao chép, trích dẫn từ cuốn sách phải được sự đồng ý của Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai và Nxb Đồng Nai bằng văn bản.

BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

NGƯỜI HOA

Ở ĐỒNG NAI

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

2009

Đề tài khoa học:

**NGƯỜI HOA TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC
Ở ĐỒNG NAI**

Ban Chủ nhiệm đề tài:

* Chủ nhiệm: BÙI NGỌC THANH

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận
Tỉnh ủy Đồng Nai

* Thành viên:

- NGUYỄN VĂN PHI

(Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Ban Dân vận TW);

- LÊ VĂN LIÊN (Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy);

- BÙI QUANG HUY (Giám đốc Nhà Xuất bản Đồng Nai);

- LÊ MINH SƠN (Trưởng Ban Tôn giáo – Dân tộc tỉnh);

- NGUYỄN CÔNG NGÔN (Phó Chủ tịch UBMTTQ tỉnh);

- TRẦN QUANG TOẠI

(Giám đốc Nhà Bảo tàng Đồng Nai);

- LƯƠNG KIM THẠCH

(Phó trưởng Phòng PA35, Công an Đồng Nai);

- TRẦN HỒNG LIÊN

(Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo,
Viện KHXH vùng Nam Bộ).

Lời giới thiệu

Sau người Kinh, người Hoa là tộc người có số dân đông thứ hai trong gần bốn mươi tộc người anh em sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Người Hoa đã gắn bó với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai trên 300 năm, có bản sắc văn hóa độc đáo và nhiều tiềm năng về kinh tế - xã hội.

Do những điều kiện lịch sử - cụ thể, cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Tuy nhiên, đại bộ phận cần cù lao động, gắn bó mật thiết với cộng đồng các tộc người khác trên địa bàn, xem Đồng Nai - Việt Nam là quê hương thứ hai của mình. Từ khi đất nước đổi mới toàn diện và triệt để, người Hoa có thêm nhiều cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao đời sống gia đình, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 62-CT/TW và Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị 501/TTg về “Tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới”, tình hình người Hoa và công tác người Hoa ở nước ta

nói chung, ở tỉnh Đồng Nai nói riêng, đã có những chuyển biến tích cực.

Từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo là thời kì đất nước tiếp tục đổi mới sâu rộng và triệt để hơn nữa theo đường lối của Đảng nhằm phát huy nội lực của cả cộng đồng các dân tộc, vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Người Hoa ở Đồng Nai, với những tiềm năng to lớn vốn có của mình, nếu được khuyến khích và phát huy đúng mức, sẽ có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển quê hương Đồng Nai vững mạnh và giàu đẹp. Do đó, công tác người Hoa phải đổi mới về nhiều mặt, thực sự là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

Ví thế, Ban Dân vận Tỉnh ủy, cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy Đồng Nai về công tác quần chúng của Đảng trên địa bàn tỉnh, đã đề xuất thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh: *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai*, nhằm phục vụ thiết thực nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đề xuất trên được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chấp thuận, cho phép triển khai thực hiện trong hai năm 2006 – 2007.

Đề tài khoa học *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai* do đồng chí Bùi Ngọc Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai, làm

Chủ nhiệm, có sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều cán bộ trong và ngoài tỉnh.

Sau khi hoàn thành bản dự thảo lần thứ nhất, Ban Dân vận Tỉnh ủy đã tổ chức các hội thảo khoa học để lấy ý kiến của các nhà nghiên cứu, của cán bộ dân vận ở Trung ương và địa phương. Bản *Báo cáo tổng quan* (dự thảo lần cuối) đã được Hội đồng Khoa học công nghệ cấp tỉnh nghiệm thu năm 2008 và được đánh giá xếp loại xuất sắc.

Nhận thấy đề tài khoa học *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai* có giá trị to lớn về lí luận và thực tiễn, Nhà Xuất bản Đồng Nai đã kiến nghị với Hội đồng Tư vấn Xuất bản tỉnh và UBND tỉnh xuất bản để phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

Khi xuất bản, Nhà Xuất bản Đồng Nai giữ nguyên nội dung và kết cấu của bản *Báo cáo tổng quan* đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ nghiệm thu, chỉ bổ sung phần phụ lục hình ảnh nhằm minh họa cho cuốn sách được phong phú, sinh động hơn và đặt tên sách là *Người Hoa ở Đồng Nai*.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Người Hoa ở Đồng Nai* cùng các đồng chí và bạn đọc.

Tháng Bảy, 2009

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

BẢNG KÍ HIỆU VIẾT TẮT

BCH: Ban chấp hành.

CB: Cán bộ.

CN: Công nghiệp.

CTQG: Chính trị Quốc gia.

DNNN: Doanh nghiệp nhà nước.

H.: Hà Nội.

HĐND: Hội đồng nhân dân.

KCN: Khu công nghiệp.

KTTT: Kinh tế thị trường.

NQ: Nghị quyết.

NXB: Nhà xuất bản.

THCS: Trung học cơ sở.

THPT: Trung học phổ thông.

TW: Trung ương.

UBND: Ủy ban nhân dân.

XHCN: Xã hội chủ nghĩa.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- Người Hoa là cộng đồng dân cư có số dân đông thứ 2 trong tổng số 38 tộc người anh em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có quá trình gắn bó với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai trên 300 năm, có bản sắc văn hóa độc đáo, có nhiều tiềm năng về kinh tế - xã hội. Do đó, cần có nghiên cứu khoa học, toàn diện về mọi mặt của cộng đồng người Hoa nhằm phát huy nội lực của cả cộng đồng trong thời kỳ mới, vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách của Cách mạng Việt Nam. Công tác người Hoa là một bộ phận của công tác quần chúng của Đảng, nhằm mục tiêu là “nâng cao đời sống mọi mặt và bảo vệ những lợi ích chính đáng của người Hoa, làm cho người Hoa trung thành với Tổ quốc Việt Nam, ngày càng gắn bó, hòa hợp với cộng đồng các dân tộc Việt Nam; phát huy mọi khả năng và tiềm năng của người Hoa, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, động viên người Hoa góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [7]. Thời gian qua, công tác người Hoa ở Đồng Nai đã đạt được những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác người Hoa trong tình hình mới, cần có những giải pháp, chính sách phù hợp. Do đó, cùng với việc nghiên cứu cộng đồng người Hoa, việc tổng kết, đánh giá

tình hình công tác người Hoa trong những năm vừa qua và đề ra những giải pháp, chính sách mới là việc làm hết sức cấp thiết.

Vì thế, Ban Dân vận Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy Đồng Nai về công tác quần chúng của Đảng trên địa bàn tỉnh, trong đó có công tác người Hoa, đề xuất thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh: *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai*, nhằm phục vụ thiết thực nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Mục tiêu đề tài

- Nghiên cứu, đánh giá về cộng đồng người Hoa và công tác người Hoa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đề ra các giải pháp trong việc thực hiện công tác người Hoa trên địa bàn trong thời kì mới và kiến nghị với Đảng, Nhà nước về các chủ trương, chính sách đối với người Hoa ở nước ta nhằm phát huy nguồn lực của người Hoa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

3. Nội dung

- Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai.

- Tình hình người Hoa ở Đồng Nai hiện nay.

- Thực trạng công tác người Hoa ở Đồng Nai thời gian qua.

- Những giải pháp và kiến nghị về công tác người Hoa nói chung, ở Đồng Nai nói riêng, trong thời kì mới.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai.

- Công tác người Hoa ở Đồng Nai.

5. Lịch sử của vấn đề

Người Hoa là cộng đồng dân cư đứng thứ 2 về mặt dân số trên địa bàn tỉnh, có quá trình cộng cư gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

5.1. Từ trước đến nay, cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai đã được nghiên cứu, ghi chép ở một số tài liệu của:

- Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, viết trong khoảng thời gian đầu thế kỉ XIX, bằng chữ Hán, đã được dịch và xuất bản.

- Lương Văn Lựu: *300 năm người Hoa ở Biên Hòa*, viết năm 1972, bản thảo đánh máy, chưa xuất bản.

- Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên): *Cù Lao Phố - lịch sử và văn hóa*, Nxb. Đồng Nai, 1997.

- Nhiều tác giả: *Địa chí Đồng Nai*, tập V, *Văn hóa - xã hội*, có chương về các dân tộc ở Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai, 2001.

- Nguyễn Yên Tri: *Làng đá Bìu Long*, Nxb. Đồng Nai, 2002...

Tuy nhiên, các tài liệu trên mới chỉ ghi chép, nghiên cứu về nhóm người Hoa có mặt tại Biên Hòa thời kì trước đây (hiện người Hoa ở Biên Hòa chỉ chiếm 7% tổng số người Hoa của tỉnh).

5.2. Công tác người Hoa là một bộ phận trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Do đó, tình hình người Hoa, công tác người Hoa ở Đồng Nai hằng năm được đánh giá trong văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ quan Mặt trận, đoàn thể của tỉnh và các địa phương.

Tuy nhiên, từ trước đến nay chưa có một sự nghiên

cứu, đánh giá, tổng kết thật đầy đủ về người Hoa và công tác người Hoa trên địa bàn, đặc biệt chưa có những dự báo tương đối chính xác về bộ phận quần chúng và công tác quan trọng này trong thời kì mới.

6. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp nghiên cứu chung:** nghiên cứu theo phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở quán triệt các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, công tác người Hoa.

- **Phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm:**

+, *Điều dã:* trực tiếp tìm hiểu tình hình người Hoa và công tác người Hoa ở những vùng có đông đồng bào người Hoa.

+, *Khảo sát, điều tra xã hội học:* 300 hộ người Hoa ở các địa bàn Biên Hòa, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Định Quán.

+, *Phòng vấn sâu:* 30 cuộc với các đối tượng là chủ hộ, trưởng dòng tộc, phụ trách ban trị sự các thiết chế văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa.

+ Phân tích, tổng hợp tư liệu thành văn có liên quan đến đề tài: sách, báo; văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các văn bản của cấp huyện và cơ sở.

+, Tổng kết thực tiễn.

7. Phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng:**

+, Người Hoa ở Đồng Nai.

+, Công tác người Hoa của hệ thống chính trị ở Đồng Nai.

- Thời gian:

+ Nghiên cứu cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai trong suốt tiến trình lịch sử, nhưng tập trung tìm hiểu, phân tích, đánh giá cộng đồng người Hoa trong khoảng thời gian từ năm 1995 trở lại đây.

+, Nghiên cứu công tác người Hoa ở Đồng Nai từ trước tới nay (từ sau năm 1975), tập trung chủ yếu vào giai đoạn từ sau khi có Chỉ thị số 62 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 8.11.1995, về “*tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới*”.

8. Kết cấu

Đề tài *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai*; ngoài phần mở đầu, kết luận và phần phụ lục, gồm 4 chương:

- *Chương một*: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và quá trình hình thành, phát triển cộng đồng người Hoa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- *Chương hai*: Tình hình người Hoa ở Đồng Nai.

- *Chương ba*: Thực trạng công tác người Hoa ở Đồng Nai.

- *Chương bốn*: Những giải pháp và kiến nghị về công tác người Hoa nói chung, ở Đồng Nai nói riêng, trong thời kì mới.

Chương 1

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Đồng Nai

1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

- Vị trí địa lý, hành chính

Tỉnh Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ. Diện tích tự nhiên là 5894,74km² (bằng 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% vùng miền Đông Nam Bộ). Tỉnh Đồng Nai vốn là một phần của tỉnh Biên Hòa thời Nam Kỳ lục tỉnh, trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính. Lần gần đây nhất là năm 1991, ba huyện phía nam: Xuyên Mộc, Long Đất, Châu Thành được sáp nhập với thành phố Vũng Tàu để thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến đầu năm 2004, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 9 huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Long Thành và Nhơn Trạch. Biên Hòa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh.

Về ranh giới hành chính, Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; phía đông giáp tỉnh Bình Thuận; đông bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; tây bắc giáp tỉnh Bình Dương; phía nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía tây giáp

Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỉnh Đồng Nai có hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt nối liền với các địa phương khác trong cả nước, có sân bay quân sự Biên Hòa; là địa bàn trọng yếu về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh, có vị trí quan trọng trong sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn kết vùng Đông Nam Bộ với cả Tây nguyên.

- *Về tài nguyên*

Nguồn tài nguyên của tỉnh Đồng Nai khá dồi dào.

+, *Đất đai*: Có 10 nhóm đất chính, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, tạo ra các vùng chuyên canh có tỉ suất hàng hóa cao và thuận lợi cho việc xây dựng các công trình công nghiệp và xây dựng.

+, *Tài nguyên nước*: Nguồn nước mặt là sông Đồng Nai, với lưu lượng lớn nhất là $880\text{m}^3/\text{s}$, nhỏ nhất là $130\text{m}^3/\text{s}$, bảo đảm cung cấp đủ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nước sinh hoạt các khu dân cư đô thị trên địa bàn. Bên cạnh đó, mạng lưới sông ngòi lại khá chằng chịt với trên 60 sông suối lớn nhỏ. Trên địa bàn còn có hơn 23 hồ chứa nước, trong đó hồ Trị An có diện tích 323km^2 , dung tích gần $2,8$ tỉ m^3 nước. Nguồn nước mặt bảo đảm nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất của tỉnh và cung cấp một phần cho các địa phương lân cận. Đây chính là điều kiện tự nhiên thuận lợi để thực hiện liên kết kinh tế giữa Đồng Nai với các địa phương khác trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Ngoài ra, tiềm năng nước ngầm cũng khá lớn (trữ lượng động trên 3 triệu $\text{m}^3/\text{ngày}$).

+, *Tài nguyên khoáng sản*: Đến nay đã phát hiện hơn 200 mỏ và điểm khoáng sản ở nhiều chủng loại. Đặc biệt, các loại khoáng sản phục vụ xây dựng khá dồi dào: đá xây dựng trên 300 triệu m^3 , cát trên 38 triệu m^3 , đất sét, gạch ngói, trên

85 triệu m³, phụ gia ciment trên 400 triệu tấn...

+, *Tài nguyên rừng*: Có đủ các loại rừng đặc dụng, phòng hộ và rừng sản xuất với tổng diện tích 179.808 ha. Qua nhiều năm thực hiện chương trình trồng rừng, đến nay độ che phủ của rừng đạt 30% tổng diện tích tự nhiên và dự báo sẽ tăng lên đạt từ 45-50% đến năm 2010. Danh mục các loài động thực vật ở rừng Đồng Nai chiếm tỉ lệ cao trong tài sản động thực vật quý hiếm của quốc gia. Đặc biệt, vườn quốc gia Nam Cát Tiên đang được lập hồ sơ kiến nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa thiên nhiên thế giới.

+, *Tài nguyên thủy sản*: Diện tích mặt nước của Đồng Nai khá lớn, với gần 70.000 ha (trong đó có 4.000 ha nước lợ). Sông Đồng Nai chảy qua địa phận của tỉnh với chiều dài trên 200 km và hệ thống hồ chứa nước đã mang lại nhiều thuận lợi cho việc phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.

+, *Về khí hậu, thời tiết*: Đồng Nai nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ tích nhiệt cao quanh năm, khá thuận lợi cho sự phát triển cây trồng nhiệt đới. Lượng mưa trên địa bàn tương đối lớn và phân bố theo vùng, theo vụ, từ 1.500 - 2.700mm/năm.

Như vậy, các điều kiện tự nhiên ở Đồng Nai nhìn chung rất thuận lợi cho sự phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của địa phương.

1.1.2. Đặc điểm kinh tế

Hơn 30 năm qua, nền kinh tế của tỉnh Đồng Nai đã có những bước phát triển hết sức to lớn.

Từ năm 1986 đến nay là giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới cơ chế quản lý kinh tế do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, nền kinh tế của tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc so với trước. Đặc biệt, trong thời gian hơn 15 năm

(1991- 2006), nền kinh tế Đồng Nai đã có những thay đổi rõ nét, phản ánh tập trung quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế cũng như xu hướng phát triển của thời kì mới. Cụ thể ở các mặt sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế

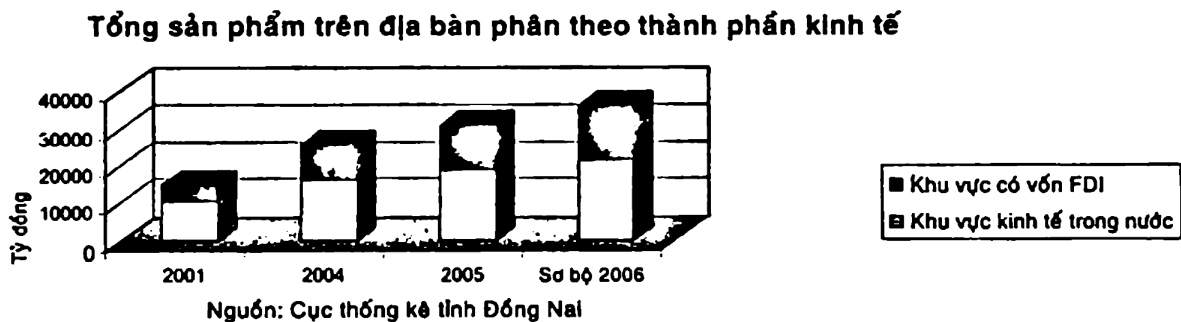
Trong hơn 20 năm qua, kinh tế Đồng Nai vẫn liên tục giữ được tốc độ tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước: thời kì 1996-2000 là 12%/năm, thời kì 2001 - 2005 là 12,8%/năm. Năm 2006, tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn tăng 14,3%. Tốc độ tăng trưởng đó đã góp phần tăng nhanh mức sống dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao vị thế của tỉnh trong sự phát triển chung của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước. Vào năm 2000, Đồng Nai đóng góp 3,2% GDP và 7,3% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước; 8,8% GDP và 15% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Từ năm 1991 đến nay, hầu hết các ngành kinh tế đều có sự phát triển vượt bậc. Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trên 26%/năm. Trong đó, công nghiệp tăng gần 12 lần, với nhịp độ tăng bình quân 28%/năm. Riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài từ chỗ không có, nay đã tăng nhanh, năm 2000, chiếm 62,7% giá trị sản lượng CN của tỉnh, thu hút trên 80.000 lao động có kỹ thuật trong số gần 140.000 lao động công nghiệp. Hiện nay (6.2007), có 748 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép, trong đó hơn 500 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Nông nghiệp vẫn phát triển tương ứng với tốc độ phát triển nông nghiệp chung của cả nước. Khu vực dịch vụ, đặc biệt là thương mại và du lịch đã có bước chuyển tích cực. Vào năm 2000, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ đạt 5.053 tỉ đồng, bình quân tăng 26%/năm của thời kì 1991-2000. Kim

ngạch xuất khẩu và nhập khẩu từ năm 1996-2000 tăng bình quân 42,6%/năm. Đến năm 2005, tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn địa bàn giai đoạn 2001 - 2005 tăng bình quân 16,5%.

Biểu 1.1:

Tổng sản phẩm trên địa bàn phân theo thành phần kinh tế



Biểu 1.2:

Tăng trưởng GDP thời kì 1990-2006

Nhịp độ tăng trưởng	1991 - 1995 (%)	1996 - 2000 (%)	1991 - 2000 (%)	2001 - 2005 (%)	2006 (%)
GDP	13,9	12,0	12,9	12,8	14,3
CN - XD	33,3	19,2	26,25	16,0	21,0
Nông, Lâm, Ngư nghiệp	4,14	4,0	4,1	4,6	5,5
Dịch vụ	12,1	8,3	10,2	12,1	13,9

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế Đồng Nai từ năm 1991 đến nay tăng trưởng với tốc độ cao và có sự chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ.

Năm 1990, nông nghiệp chiếm trên 50% GDP. Tỷ trọng này từng bước giảm dần. Đến năm 2005, công nghiệp - xây dựng thay thế vị trí của nông nghiệp, với tỷ trọng 57% GDP toàn tỉnh. Trên địa bàn đã hình thành cơ cấu kinh tế mới: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, làm thay đổi về chất những điều kiện kinh tế - xã hội.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời gian qua ở Đồng Nai đã nâng cao đáng kể hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trên 80% doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có khả năng xuất khẩu; trong đó có 68,6% doanh nghiệp đã trực tiếp xuất khẩu, khiến cho xuất khẩu từ khu vực này chiếm tỷ trọng lớn nhất trong xuất khẩu của tỉnh, góp phần chuyển giao công nghệ, tạo thêm nhiều việc làm.

Biểu 1.3:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ 1990 - 2006

Khu vực	1990	1995	2000	2003	2006
Nông, lâm, ngư nghiệp	50,12%	31,8%	22,8%	17,7%	13,7%
Công nghiệp-Xây dựng	20,72%	38,7%	52,2%	56,2%	57,4%
Dịch vụ	29,16%	29,5%	25%	26,1%	28,9%

Nguồn: UBND tỉnh Đồng Nai

Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng Nai có nhược điểm lớn nhất là khu vực dịch vụ, sau một thời gian tăng trưởng nhanh cả về quy mô và tỷ trọng, năm 2000 giảm 4,5% về tỷ trọng so với năm 1995, mặc dù nhịp độ tăng trưởng bình quân vẫn trên 8%, tức cao gấp 2 lần so với mức bình quân chung của cả nước. Trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh xuất khẩu thì 2/3 doanh

ngành công nghiệp trong nước lại chưa có khả năng xuất khẩu do hạn chế về đầu tư nâng cao trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất... Nếu không có biện pháp khắc phục, trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới và khu vực, trong những năm tới sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nữa.

- Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

20 năm qua, các thành phần kinh tế trong tỉnh Đồng Nai phát triển mạnh, tạo sự chuyển dịch về cơ cấu khá rõ nét. Trong khi kinh tế nhà nước, nhất là các doanh nghiệp nhà nước vẫn tăng trưởng khá, thì khu vực kinh tế dân doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng mạnh.

Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế ở Đồng Nai cho thấy khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, mặc dù tỉ trọng có xu hướng giảm, nhưng đã từng bước sắp xếp lại, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Mặt khác, doanh nghiệp nhà nước luôn nắm giữ các ngành, khâu quan trọng: thép, điện, phân bón, giấy, tài chính, thông tin...

Khu vực kinh tế dân doanh được khuyến khích phát triển đúng hướng nên có sự phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp (cô phần, trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân) và hộ cá thể, mặc dù tỉ trọng có giảm sút nhưng vẫn chiếm 40%. Tính đến cuối năm 2006, trên địa bàn có 4.860 doanh nghiệp dân doanh, tổng vốn đăng kí 15.149 tỉ đồng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là một bộ phận kinh tế quan trọng thúc đẩy kinh tế trên địa bàn Đồng Nai tăng trưởng nhanh. Trong một thời gian không dài, nhưng khu vực này đã tăng đáng kể, chiếm 29% GDP (tỉ lệ này của cả nước là 13%). Tính đến cuối năm 2006, trên địa bàn tỉnh có 770 dự án đầu tư còn hiệu lực, tổng số vốn đăng kí trên 9 tỉ USD; trong đó hơn 55% vốn đã được triển khai,

cho thuê trên 2.100 ha đất, chiếm 59% diện tích đất cho thuê. Đồng Nai trở thành một trong những địa phương có số dự án và vốn đầu tư cao nhất nước.

Nhìn chung, trong thời gian qua, tình hình kinh tế Đồng Nai đã có những chuyển biến tích cực. Quy mô kinh tế của tỉnh trong 15 năm (1991-2006) đã tăng gấp 3 lần, tích lũy được một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục phát triển ở giai đoạn tới. Từ một tỉnh nông nghiệp, có trình độ phát triển thấp đã xây dựng được cơ cấu kinh tế mới, trong đó công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng áp đảo. Đây là điều kiện cần thiết để thực hiện việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quá trình đô thị hóa đã diễn ra nhanh chóng, tạo thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu về phát triển kinh tế đã trực tiếp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt chính sách xóa đói giảm nghèo, tăng nhanh khả năng tích lũy cho đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, nền kinh tế Đồng Nai đã và đang bộc lộ những hạn chế và yếu kém nhất định. Khu vực dịch vụ có quy mô và phát triển chưa kịp yêu cầu, trong khi khu vực sản xuất công nghiệp phát triển nhanh. Tình hình đó đòi hỏi nếu không điều chỉnh kịp thời chắc chắn sẽ trở thành lực cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung ở giai đoạn tiếp theo. Những vấn đề nảy sinh và cả mặt trái của quá trình đô thị hóa nhanh chậm được khắc phục. Trong khi dân số đô thị gia tăng nhanh chóng, hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị chưa được đầu tư tương xứng, lại bị xuống cấp trầm trọng, nhất là hệ thống nước thải, nhà ở. Mặt khác, sự phát triển nhanh của sản xuất công nghiệp đang dẫn đến sự quá tải về môi trường và các dịch vụ xã hội, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời tạo sự chênh lệch khá lớn về mức sống giữa nông thôn và thành thị.

1.1.3. Đặc điểm xã hội

- Về dân cư

Đồng Nai là một trong những địa phương có tốc độ tăng dân số nhanh. Từ năm 1996 - 2000, tỉ lệ tăng là 2,05%/năm; đến năm 2006, tỉ lệ tăng dân số giảm còn 1,23%. Vào năm 2002, dân số toàn tỉnh là 2.042.000 người; đến năm 2007 khoảng trên 2.200.000 người. Mật độ dân số là 370,79 người/km² (năm 2004). Dự báo đến năm 2010, dân số của tỉnh là 2,4 triệu người. Đồng Nai trở thành một trong những địa phương có đông dân cư trong cả nước. Tuy nhiên, với sự phát triển kinh tế và đô thị hóa, tỉ lệ dân số thành thị hiện trên 31%, so với tỉ lệ thành thị của cả nước cùng kì là 24%. Tỉ lệ này đang có xu hướng tăng nhanh, dự báo vào năm 2010 là 50%, đưa Đồng Nai trở thành một trong những địa phương có tỉ lệ dân đô thị cao trong cả nước.

Chất lượng dân số ở Đồng Nai những năm gần đây được nâng lên rõ rệt nhờ thực hiện các chính sách dân số, y tế, xã hội. Tuy nhiên, không chỉ về số lượng mà cả chất lượng, dân số ở Đồng Nai đang đòi hỏi địa phương phải có những giải pháp hợp lý trong quá trình đô thị hóa gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội.

- Về dân tộc

Trên địa bàn tỉnh hiện có 36 tộc người có số dân chiếm từ 0,5% tổng dân số của tỉnh trở lên. Người Kinh (Việt) chiếm 91,3% dân số. Người Hoa xếp thứ hai, với 5,1%. Kế đến là các cư dân bản địa như Châu Ro, Châu Mạ, Stiêng... Phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn. Các tộc người ở Đồng Nai phân bố ở những địa bàn và vùng đất khác nhau, có khi biệt lập ra thành từng xóm ấp nhưng nhìn chung là sống xen kẽ với người Kinh và

các dân tộc anh em khác. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, lịch sử, truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán và tâm lý riêng.

Trong quá trình hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, nhiều dân tộc đã khẳng định được khả năng và sức sống của mình, tạo nên những sắc thái văn hóa rõ nét. Quá trình đan xen hòa hợp, giao lưu văn hóa trong từng dân tộc đã đúc kết nên những sắc thái văn hóa đặc trưng cho vùng đất Đồng Nai, con người Đồng Nai.

- Về tôn giáo

Đồng Nai là một trong những tỉnh có đông tín đồ của những tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo... Tín đồ chiếm 52% dân số, trong đó Công giáo có số lượng tín đồ trên 30%. Những năm qua, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo thể hiện sự tôn trọng và quan tâm nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo trong tỉnh hoạt động tuân thủ pháp luật. Trên các lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đồng đạo đồng bào có đạo và chức sắc các tôn giáo đều có nhiều đóng góp.

- Về nguồn nhân lực

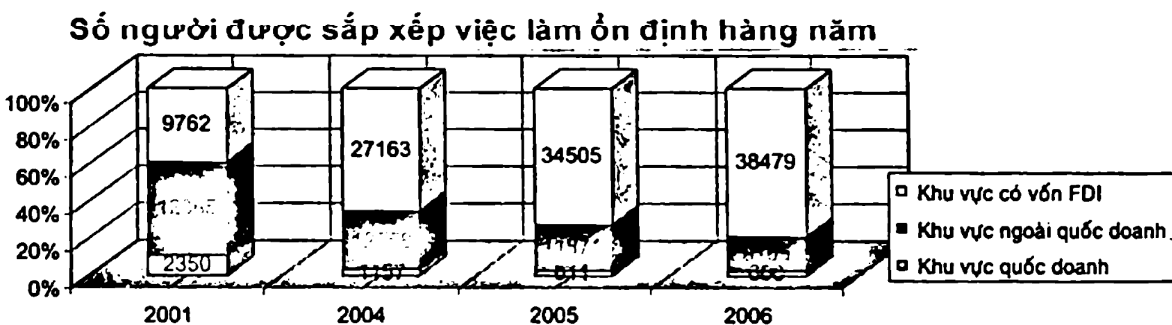
Do nằm ở cửa ngõ miền Đông Nam Bộ, nguồn nhân lực của tỉnh luôn được bổ sung, hấp thu chia sẻ những thành tựu khoa học kỹ thuật từ nhiều nguồn đào tạo và liên tục chuyển dịch, thay đổi.

Cơ cấu dân số trong độ tuổi lao động đã thay đổi từ 51,8% vào năm 1989 lên 58,9% năm 2000 (tỉ lệ chung của cả nước là 50%). Năm 2000, Đồng Nai có 1.216 nghìn người trong độ tuổi có khả năng lao động. Mặc dù làn sóng di dân từ các tỉnh khác đến Đồng Nai khá lớn, nhưng nhờ những cố

gắng của tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương nên hàng năm đã giải quyết việc làm cho trên 100.000 lao động. Ở giai đoạn 1996 - 2000, đã giải quyết việc làm cho 300.000 lao động. Từ năm 2005 trở đi, mỗi năm đã giải quyết việc làm cho trên 82.000 lao động. Nhờ đó, tỉ lệ người thất nghiệp giảm nhanh trong điều kiện phát triển kinh tế, nhất là lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Năm 2000, số người chưa có việc làm giảm còn 4,3% (tỉ lệ chung của cả nước là 7,4%). Năm 2005, tỉ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị chỉ còn 3% và tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn được nâng lên 85%.

Biểu 1.4:

Số người được sắp xếp việc làm ổn định hàng năm



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Đồng Nai

Cơ cấu lao động ở Đồng Nai có sự chuyển dịch nhanh trong vòng 10 năm qua, nhất là ở hai ngành nông - lâm nghiệp và công nghiệp chế biến. Nếu lao động trong ngành nông - lâm nghiệp giảm từ 64,5% năm 1990 xuống 52,7% năm 2000, thì lao động ở ngành công nghiệp chế biến đã tăng từ 13,6% lên 19,4%.

Nguồn nhân lực khoa học công nghệ ở Đồng Nai phát triển nhanh và có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trước năm 1975, nguồn nhân lực này khá thấp, chỉ có 962 người có trình độ đại học, đến năm 1990, trình độ cao đẳng gấp 8,28 lần, trình độ đại học gấp

4,37 lần. Đến năm 1999, Đồng Nai có gần 24.000 người có trình độ từ cao đẳng trở lên, gấp 18 lần so với năm 1975, trong đó có 135 thạc sĩ, 45 tiến sĩ.

Nguồn nhân lực ở Đồng Nai phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm 1998, Đồng Nai được công nhận đạt chuẩn quốc gia về công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đến tháng 11 năm 2005, được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập trung học cơ sở (THCS). Ngành Giáo dục đã tổ chức chương trình bổ túc văn hóa cho công nhân của tỉnh. Từ năm 2000 đến nay, đã có trên 10.000 công nhân tốt nghiệp bổ túc THPT. Công tác đào tạo nghề phát triển đa dạng. Hiện nay, hệ thống đào tạo và dạy nghề gồm 9 trường nghề, 14 trung tâm dạy nghề và 9 cơ sở dạy nghề. Từ năm 1996 - 2000, đã đào tạo nghề được 82.000 người. Từ năm 2001 đến nay, bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho trên 48.000 lao động, nâng tỉ lệ số lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đạt 32%.

- Về xóa đói giảm nghèo

Công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh đã đạt được kết quả tích cực trên cơ sở phát triển kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề việc làm và xã hội. Đến năm 2000, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mực cũ) còn khoảng 12% số hộ toàn tỉnh (tỉ lệ chung của cả nước là 16%). Từ năm 2000 - 2005, số hộ nghèo của tỉnh đã giảm 49.032 hộ, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn cũ) chỉ còn 0,89%. Năm 2006, số hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm được 3.000 hộ, hạ tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh (theo chuẩn mới) còn 8,7%.

Tóm lại, điều kiện xã hội ở Đồng Nai đa dạng và phong phú, đặc biệt nguồn nhân lực tương đối dồi dào. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trên các lĩnh vực xã hội còn nhiều mặt bất cập.

Khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn tuy có thu hẹp nhưng vẫn còn chênh lệch đáng kể. Vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc tuy có được đầu tư nhưng đời sống đồng bào còn nhiều khó khăn. Dân số và lao động tăng nhanh, nhất là tăng cơ học, bổ sung được nguồn lao động, nhưng lại có những sức ép lớn khác. Nguồn lao động tuy dồi dào, nhưng trình độ, tay nghề của số người thiếu việc làm và chưa có việc làm thấp, lại có khoảng trên 50% là lao động lớn tuổi, trình độ văn hóa thấp, rất khó đưa vào các doanh nghiệp. Tình hình đó đòi hỏi phải tiếp tục nắm chắc hơn tương quan và biến động cung - cầu lao động trong tình khi xây dựng các chương trình, kế hoạch dài hạn và hàng năm để phát triển và phân bổ nguồn nhân lực trên địa bàn theo hướng cơ cấu kinh tế của tỉnh. Mặt khác, phải tiến hành đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, xem đây là một trong những biện pháp nhằm đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tương lai.

1.2. Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

1.2.1. Những khái niệm cơ bản

Hiện nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng lẫn các văn bản của Nhà nước thường sử dụng nhiều thuật ngữ vốn đa nghĩa và do đó dễ khiến trở nên lằng lằng, ngộ nhận như: *dân tộc, tộc người, quốc gia dân tộc, sắc tộc, dân tộc thiểu số...*

Trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, để thống nhất trong cả đề tài, chúng tôi sử dụng các thuật ngữ sau với nội dung được xác định:

- *Dân tộc: Dân tộc hay quốc gia dân tộc (nation)* là “một cộng đồng chính trị xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ nhất định, có một tên gọi,

một ngôn ngữ hành chính, một sinh hoạt kinh tế chung, với những biểu tượng văn hóa chung tạo nên một tính cách dân tộc” [176, 72]. Theo nghĩa này, trong câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”, *dân tộc* ở đây nhằm chỉ cộng đồng dân tộc (*nation*) Việt Nam, bao gồm nhiều thành phần tộc người (*ethnie*), có phong tục, tập quán khác nhau, nếu cư trú trên cùng một đất nước, cùng nhận là công dân của dân tộc Việt Nam.

- *Tộc người: **Tộc người** hay **dân tộc** (*ethnie*)* là “một cộng đồng mang tính tộc người có chung một tên gọi, một ngôn ngữ (trừ trường hợp cá biệt) được liên kết với nhau bằng những giá trị sinh hoạt văn hóa, tạo thành một tính cách tộc người, có chung một ý thức tự giác tộc người, tức có chung một khát vọng được cùng chung sống, có chung một số phận lịch sử thể hiện ở những kí ức lịch sử (truyền thuyết, lịch sử, huyền thoại, kiêng cử). Một tộc người không nhất thiết phải có cùng một lãnh thổ, cùng một cộng đồng sinh hoạt kinh tế” [176, 72]. Theo nghĩa này, một câu nói khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau” [97, 25], hay câu: “Trong cơn hoạn nạn, Hoa Việt anh em cảm tình càng nồng, đoàn kết càng chặt. Mai sau kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công, hai dân tộc ta cùng hưởng hạnh phúc” [97, 31], *dân tộc* ở đây được hiểu là cộng đồng tộc người cụ thể như: Kinh, Hoa, Ba Na, Ê Đê...

- *Nhóm địa phương: **Nhóm địa phương** (*groupe local*)* được hiểu là “một bộ phận của một tộc người nhất định, có những mối quan hệ về lịch sử, ngôn ngữ, sinh hoạt văn hóa,

có ý thức tự giác thuộc về tộc người đó” [176, 73]. Ví dụ, người Nùng cư trú trên địa bàn từ Tây Bắc qua Đông Bắc Việt Nam nhưng vì nhiều nguyên nhân lịch sử, đã bao gồm nhiều nhóm địa phương, trong đó có những nhóm khác nhau cả về ngôn ngữ. Hay trên địa bàn khá hẹp là thành phố Biên Hòa ở Đồng Nai, cùng là người Hoa, nhưng có ít nhất là 4 nhóm khác nhau: Họ, Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông. Tuy nhiên, *nhóm địa phương* chỉ được tạo thành khi tự bản thân có một tên gọi riêng phổ biến trong vùng, không ai có thể tự áp đặt hoặc thay đổi được.

- *Dân tộc thiểu số*: Thuật ngữ này đồng nghĩa với *dân tộc ít người*, *dân tộc dân số ít*, dùng để chỉ cộng đồng tộc người trên cơ sở so sánh tỉ lệ số dân của từng tộc người trong một nước. Với hàm nghĩa này, ở Việt Nam, chỉ có cộng đồng người Kinh là dân tộc đa số với 87% dân số cả nước. 53 cộng đồng tộc người còn lại đều là dân tộc thiểu số.

- Liên quan đến vấn đề *dân tộc* và *tộc người*, còn có những thuật ngữ sau đây: *thị tộc*, *bộ lạc*, *bầy*, *bộ tộc*, *sắc tộc*... Nhà dân tộc học Đặng Nghiêm Vạn khuyến cáo hiện nay không nên dùng các thuật ngữ này trên các phương tiện truyền thông đại chúng cũng như ở các tác phẩm khoa học [176, tr. 73 - 75]. Theo ông, thuật ngữ *thị tộc*, *bộ lạc* (*clan*, *tribu*) vốn để gọi các cộng đồng người ở thời kì cách đây hàng vạn năm, sinh sống bằng săn bắn, hái lượm. Thuật ngữ *bầy* (*horde*), *bộ tộc* (*peuplade*) dùng để chỉ các tộc người sống dưới chế độ chiếm nô, phong kiến... một cách miệt thị. Còn thuật ngữ *sắc tộc* (*colored*) hay *sắc dân* (*coloured people*) lại xuất phát từ Mỹ dùng để chỉ các thổ dân Indiens, sau mở rộng ra là người da màu. Ở Việt Nam, đó là một “sáng tạo” của chế độ nguy quyền Sài Gòn để chỉ các tộc người không phải Việt, Hoa và Khome.

1.2.2. Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

1.2.2.1. Nguồn gốc nhập cư

Việt Nam là quốc gia đa tộc người. Trải qua quá trình hàng nghìn năm lịch sử, lãnh thổ Việt Nam là nơi cư trú của 54 tộc người (dân tộc) khác nhau. Đa số các tộc người ở Việt Nam có nguồn gốc bản địa, nhưng cũng có những tộc người có nguồn gốc từ những lãnh thổ khác. Đó là kết quả của hiện tượng di dân (*migration*) xảy ra liên tục trong những khoảng thời gian dài. Vì thế, trên đất nước ta luôn nảy sinh ra những cộng đồng tộc người mới và cộng đồng các tộc người cũng thường xuyên tổ hợp lại. Tuy nhiên, các cộng đồng tộc người, dù có nguồn gốc như thế nào đi nữa, một khi đã chọn Việt Nam làm quốc gia dân tộc luôn gắn bó với lịch sử dựng nước và giữ nước, cùng chung sống dưới mái nhà của Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Người Hoa ở Việt Nam là một cộng đồng tộc người như vậy.

Người Hoa (chữ Hán: 華) ở Việt Nam là những người có tổ tiên đến từ Trung Quốc. Trong cộng đồng 54 các tộc người ở Việt Nam, căn cứ vào ngôn ngữ (tiếng nói), người Hoa thuộc dòng ngôn ngữ *Hán - Tạng*. Trong đó, nhóm ngôn ngữ *Tạng* gồm các tộc người: Lô Lô, Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Coóng, Si La. Nhóm ngôn ngữ *Hán* gồm: Hoa (Hán), Sán Dìu, Ngái. (*Xem biểu 1.5*).

Phần lớn người Hoa ở Việt Nam là người Hán, một tộc người chiếm đa số tại Trung Quốc, tuy nhiên cũng có những người Hoa không thuộc Hán tộc. Phần đông người Hoa ở Việt Nam cũng như trên thế giới đều đến từ hai tỉnh cực Nam của Trung Quốc là Quảng Đông và Phúc Kiến. Riêng một bộ phận nhỏ đến từ Quảng Đông ở vùng duyên hải Triều San thì được gọi là người *Triều Châu*.

Cuộc di dân của người Hoa vào Việt Nam bắt đầu diễn ra từ trước Công nguyên và kéo dài mãi cho đến ngày nay, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Có những giai đoạn, do biến động của tình hình chính trị, xã hội ở Trung Quốc, làn sóng di dân diễn ra mạnh mẽ, với số đông người.

Biểu 1.5:

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Nhóm Việt-Mường:	Chứt Mường Thổ Việt (Kinh)
Nhóm Tày-Thái:	Bố Y Giáy Lào Lự Nùng Sán Chay Tày Thái
Nhóm Môn-Khmer:	Ba Na Brâu Bru - Vân Kiều Chơ-ro Co Cơ-ho Cơ-tu Giẻ-triêng Hrê Kháng Khmer Kơ-mú Mạ Mảng M'Nông Ó-đu Rơ-măm Tà-Ôi Xinh-mùn Xơ-đăng Xtiêng
Nhóm H'Mông-Dao:	Dao H'Mông Pà Thên
Nhóm Kadai:	Cờ lao La-chí La ha Pu péo
Nhóm Nam đảo:	Chăm Chu-ru Ê-đê Gia-rai Raglai
Nhóm Hán:	Hoa Ngái Sán diu
Nhóm Tạng:	Cống Hà Nhì La Hủ Lô Lô Phù Lá Si La

Đặc biệt, từ đầu thế kỉ XVII, tại Trung Quốc, sự sụp đổ của nhà Minh dẫn đến làn sóng người Hoa trung thành với

nhà Minh và không thần phục nhà Thanh bỏ quê hương di dân sang vùng Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Năm 1671, Mạc Cửu và gia đình đến vùng đất Mang Khảm (nay là Hà Tiên). Năm Kỷ Mùi 1679, Tổng binh thành Long Môn tỉnh Quảng Tây tên là Dương Ngạn Địch, Phó tướng Huỳnh Tấn (Hoàng Tiến) và Tổng binh châu Cao, châu Lô và châu Liêm tỉnh Quảng Đông là Trần Thượng Xuyên, Phó tướng Trần An Bình cử binh chống đánh nhà Thanh nhằm khôi phục nhà Minh (bị nhà Thanh tiêu diệt hoàn toàn vào năm 1644) không địch nổi bèn đem tướng sĩ xuống thuyền chạy sang hải phận nước Nam. Ban đầu, họ cầu cứu chúa Trịnh, sau đó dẫn tùy tùng quân lính theo đường thủy đến Đà Nẵng đầu hàng chúa Nguyễn và xin chúa Nguyễn nhận làm dân Việt. Chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần cho họ vào miền Nam khai khẩn đất hoang. Dương Ngạn Địch và Huỳnh Tấn theo dòng sông Cửu Long cắm trại ở Định Tường (Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang); Trần Thượng Xuyên vào cửa Cần Giờ ngược dòng sông Đồng Nai cắm trại ở đất Bàn Lân, Cù Lao Phố (Biên Hòa), và Đông Phố (Gia Định) chuyên lo việc thương mại và canh nông. Những cộng đồng người Hoa này được gọi là *người Minh Hương*.

Năm 1698, ở vùng Trấn Biên - Phiên Trấn đã hình thành nên những làng/xã Minh Hương. Từng có câu ca dao nói về phong hóa làng Minh Hương:

Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng

Đố ai lịch sự cho bằng làng Minh Hương.

Làn sóng người Hoa đến Việt Nam lại bùng phát vào thế kỉ XIX, XX, với những biến động đi đôi với sự có mặt của những thế lực phương Tây, nhất là từ sau cuộc chiến tranh Nha phiến, cuộc khởi nghĩa Thái Bình, cuộc can thiệp của các đế quốc vào Trung Quốc, cuộc xâm lược của thực

dân Pháp vào Việt Nam, cho đến những diễn biến chiến tranh Trung - Nhật, kháng chiến chống Pháp và Mĩ ở Việt Nam [176, 333]. Trong vòng 30 năm (1866 - 1896), người Hoa nhập cư vào Đông Dương, chủ yếu ở Việt Nam, là 1.547.668 người. Riêng từ năm 1931 đến năm 1937, số người Hoa nhập cư tăng lên 400.000 người; từ năm 1945 đến năm 1948, tăng lên 880.000 người [65, 41].

Vào nửa cuối thập niên 70 của thế kỉ trước, do quan hệ căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhiều người Hoa, nhất là ở vùng Quảng Ninh, các tỉnh Nam Bộ, đã rời Việt Nam, trở về Trung Quốc, hoặc đến một quốc gia thứ ba (Trung Quốc đã gọi đây là vấn đề *nạn kiều*). Trong số những người Hoa ở lại, có người chuyển sang khai là người Nùng hay Ngái. Theo Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh, vào năm 1974, người Hoa trên địa bàn tỉnh là 145.249 người, chiếm 20,2% dân số và 68% số dân của cộng đồng các dân tộc ít người ở tỉnh. Vào năm 1978, số người Hoa tự động bỏ về Trung Quốc là 155.103/161.212 người. Hiện nay, người Hoa ở Quảng Ninh chỉ còn 774 hộ, với 4.467 khẩu, chiếm 0,46% dân số.

1.2.2.2. *Danh xưng*

Ở Việt Nam, người Hoa còn được gọi bằng nhiều tên khác nhau: *người Tàu* hay *Ba Tàu*, *Minh Hương*, *chú Khách*, *người Khách*, *người Hẹ*...

- Theo lịch sử, thì vào thời quân Minh thua trận nhà Thanh, một số người theo nhà Minh đã chạy khỏi Trung Quốc và được Chúa Nguyễn chấp nhận cho tị nạn ở Nam Bộ và quan quân Minh cùng gia quyến di chuyển qua Việt Nam bằng tàu, nên dân gian gọi họ là người *Tàu*. Ngoài ra, *tàu* cũng là phương tiện người Trung Quốc hay sử dụng khi đến làm ăn, buôn bán và định cư ở Việt Nam nên nó đã được

dùng làm tên gọi. *Tàu* là một từ mang sắc thái có phần tiêu cực nhưng vẫn được người Hoa chấp nhận.

- Tên gọi *Minh Hương* được dùng để gọi người Hoa ở Nam Bộ. Chữ *huong* ban đầu dùng chữ 香 có nghĩa là *thơm*, đến năm 1827 đổi sang chữ 鄉 nghĩa là *làng*. Như vậy, *Minh Hương* có thể hiểu là "làng của người Minh" và cũng có thể hiểu là "làng sáng sủa".

- Nếu xếp theo phân loại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thì cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thuộc tộc người Hán nhưng có lẽ do nhà Hán đô hộ nước Việt lâu đời nên để tránh ác cảm của người Việt bản xứ, mặc dù rất tự hào nền văn hóa Hán rực rỡ nhưng người Việt gốc Hoa không tự xưng là người Hán.

- Một số người dùng từ *chú Khách* hay *người Khách* hay *người Hẹ* để chỉ người Trung Quốc nhưng thật ra không chính xác vì đây chỉ là một tộc người tại Trung Quốc. Ngoài ra, một số tên gọi khác không chính thức và đôi khi có tính tiêu cực như: *Chệt*, *Khựa*, *Xâm*.

- Mặt khác, người Hoa đã qua lại làm ăn, sinh sống và chung đụng với người Việt đã từ lâu đời, tùy theo từng thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh tiếp xúc hoặc nguyên nhân di cư mà người Hoa đã tự xưng về tên tộc người của mình khác nhau cũng như người Việt đã gọi họ theo các tên khác nhau. Thường người Hoa tự gọi mình là dân các triều đại mà họ cho rằng văn minh, tự hào hoặc cho rằng nó phổ biến và được người bản xứ biết rõ, hoặc đã biết từ lâu như người *Đường* (*Thòong dánh*), người *Bắc*, người *Ngô*...

- Các cách gọi như: người *Quảng* (Quảng Đông), người *Tiểu* (Tiểu Châu), người *Hẹ*, người *Hải Nam*,... là gọi theo *nhóm địa phương*.

Gia Định báo, đăng trong số 5, năm thứ 6, phát hành ngày 16-2-1870 có giải thích danh xưng người Hoa ở Việt Nam như sau:

Người bên Tàu thường gọi là người Trung Quốc, nghĩa là nước ở giữa vì thuở xưa bên ấy có 18 nước chư hầu; chỗ Kinh thành Hoàng đế ở lại vô ở giữa các nước chư hầu nên gọi là Trung Quốc. Người bên Tàu thường kêu mình là Đường-nhơn hay Thanh-nhơn, nghĩa là người nhà Đường, nhà Thanh. An-nam ta kêu là Tàu, người bên Tàu, là vì khách thường đi tàu qua đây, lại dùng tàu chở đồ hàng hóa qua đây buôn bán; nên kêu là Tàu, hàng Tàu, đồ Tàu v.v...

Người Bắc thì kêu là Ngô, nghĩa là nước Ngô, có kẻ lại cắt nghĩa rằng vì bởi nó hay xưng mình là “Ngô” nghĩa là “tôi”.

Kêu Các-chú là bởi người Minh-hương mà ra; mẹ An-nam cha Khách nên nhìn người Tàu là anh em, bằng không thì cũng là người đồng châu với cha mình, nên mới kêu là Các-chú nghĩa là anh em với cha mình. Sau lần lần người ta bắt chước mà kêu bậy theo làm vậy.

Còn kêu là Chêc là tại tiếng Triều Châu kêu Chêc nghĩa là chú. Người bên Tàu hay giữ phép, cũng như An-nam ta, thấy người ta tuổi đáng cậu, cô, chú, bác thì kêu tâng là chú là cậu vân vân. Người An-nam ta nghe vậy vịn theo mà kêu các ảnh là Chêc...

Từ sau khi có Chỉ thị số 62-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ngày 8.11.1995 “Về tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới” [7], các khái niệm người Hoa, Hoa kiều được xác định rõ:

- “Người Hoa bao gồm những người có gốc Hán và những người thuộc dân tộc ít người ở Trung Quốc đã Hán

hóa di cư sang Việt Nam và con cháu của họ sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, đã nhập quốc tịch Việt Nam, nhưng vẫn còn giữ những đặc trưng văn hóa, chủ yếu là ngôn ngữ, phong tục tập quán của người dân tộc Hán và tự nhận mình là người Hoa”.

- “*Hoa kiều* là những người có cùng nguồn gốc dân tộc với người Hoa, nhưng không nhập quốc tịch Việt Nam”.

Chi thị số 62-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) cũng xác định những người sau đây không phải là người Hoa:

- Những người thuộc các dân tộc thiểu số của Trung Quốc sang sinh sống làm ăn ở Việt Nam (chủ yếu sống xen ghép với các dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta).

- Người dân tộc thiểu số của Việt Nam cùng gốc dân tộc thiểu số của Trung Quốc.

- Những người có nguồn gốc là người Hán nhưng hiện nay không dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán của người Hán, sống gắn bó với các dân tộc Việt Nam và đã tự nhận mình là người của một dân tộc trong các dân tộc Việt Nam.

1.2.2.3. Phân bố dân cư và sinh hoạt cộng đồng

Tại thời điểm 1.4.1999, tộc người Hoa ở Việt Nam có 863.371 người, đứng hàng thứ sáu về dân số trong toàn quốc, cư ngụ tập trung các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Bắc Giang, Lâm Đồng... (*xem biểu số 1.6*). Hiện nay, người Hoa trên toàn quốc có trên 900.000 người.

Từ thế kỉ XVI trở về trước, những nhóm người Hoa đến Việt Nam thường bị đồng hóa vào người Việt. Từ thế kỉ

XVII, ở Việt Nam đã bắt đầu xuất hiện các *phố* người Hoa ở Kè Chợ, Phố Hiến, Hội An, các *làng* Minh Hương hay Thanh Hà ở Nam Bộ. Tuy nhiên, phần đông cư dân các làng này, nay đã Việt hóa, chỉ còn thấy được những dấu vết [176, 332].

Khi di cư sang Việt Nam, người Hoa, bao gồm những người tị nạn loạn lạc, chiến tranh, những người dân thiếu đất, những thợ thủ công thiếu việc làm, các thương gia..., tản ra ở khắp các vùng nông thôn xen kẽ với người Việt, hay ở các thị trấn, thị xã, thành phố, các khu công nghiệp trong các khu phố người Hoa riêng biệt. Hiện nay, trên 90% người Hoa trong cả nước định cư ở Nam Bộ. Trong đó, 11,81% ở tỉnh Đồng Nai; 49,71% ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, người Hoa sống tập trung tại vùng Chợ Lớn, đông nhất ở các khu thương mại trong Quận 5, 11 (khoảng 45% dân số mỗi quận), quận 10, 6, với 5 nhóm ngôn ngữ chính: *Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam* và tiếng *Khách Gia (Hakka)*, đôi khi còn gọi là *tiếng Hẹ*.

Biểu 1.6

Dân số cộng đồng tộc người Hoa ở Việt Nam tại thời điểm 1.4.1999, phân theo giới tính

	Tổng số (người)	Chia ra	
		Nam	Nữ
TỔNG SỐ	862371	433676	428695
Đồng bằng sông Hồng	4504	2557	1947
Hà Nội	1530	840	690
Hải Phòng	1229	713	516
Vĩnh Phúc	53	29	24
Hà Tây	170	101	69

Bắc Ninh	57	32	25
Hải Dương	1147	649	498
Hưng Yên	68	50	18
Hà Nam	39	23	16
Nam Định	109	53	56
Thái Bình	69	44	25
Ninh Bình	33	23	10
Đông Bắc	41972	21658	20314
Hà Giang	6369	3214	3155
Cao Bằng	163	78	85
Lào Cai	794	411	383
Bắc Kạn	1153	602	551
Lạng Sơn	2452	1221	1231
Tuyên Quang	6768	3570	3198
Yên Bái	669	360	309
Thái Nguyên	2573	1359	1214
Phú Thọ	274	145	129
Bắc Giang	17375	8893	8482
Quảng Ninh	3382	1805	1577
Tây Bắc	3164	1619	1545
Lai Châu	2838	1437	1401
Sơn La	147	70	77
Hòa Bình	179	112	67
Bắc Trung Bộ	1056	592	464
Thanh Hóa	327	182	145
Nghệ An	189	107	82

Hà Tĩnh	16	9	7
Quảng Bình	27	14	13
Quảng Trị	107	61	46
Thừa Thiên - Huế	390	219	171
Duyên hải Nam Trung Bộ	8782	4738	4044
Đà Nẵng	2299	1248	1051
Quảng Nam	1106	570	536
Quảng Ngãi	230	136	94
Bình Định	880	474	406
Phú Yên	536	300	236
Khánh Hòa	3731	2010	1721
Tây Nguyên	21165	11374	9791
Kon Tum	127	77	50
Gia Lai	670	400	270
Đắk Lắk	5016	2759	2257
Lâm Đồng	15352	8138	7214
Đông Nam Bộ	581950	292239	289711
TP. Hồ Chí Minh	428768	212727	216041
Ninh Thuận	2479	1269	1210
Bình Phước	7947	4363	3584
Tây Ninh	3892	2086	1806
Bình Dương	14455	7495	6960
Đồng Nai	102444	52918	49526
Bình Thuận	11204	5743	5461
Bà Rịa - Vũng Tàu	10761	5638	5123
Đồng bằng sông Cửu Long	199778	98899	100879

Long An	2721	1454	1267
Đồng Tháp	2629	1337	1292
An Giang	11256	5686	5570
Tiền Giang	4917	2579	2338
Vĩnh Long	6091	3119	2972
Bến Tre	5213	2698	2515
Kiên Giang	32693	15901	16792
Cần Thơ	22824	11541	11283
Trà Vinh	9835	4948	4887
Sóc Trăng	68404	33383	35021
Bạc Liêu	22619	10947	11672
Cà Mau	10576	5306	5270

Định cư ở Việt Nam, người Hoa còn sống thành các *bang*. Bang là một kiểu xã hội truyền thống khép kín, có từ đời nhà Đường. Đây chính là tổ chức của những người Hoa có cùng tiếng nói và cùng một quê huyện / tỉnh gốc ở Trung Quốc. Năm 1814, các bang của người Hoa tại Việt Nam triều Nguyễn thể chế hóa [176, tr. 333]. Trong số các bang của người Hoa, hai bang Quảng Đông và Phúc Kiến chiếm số đông. Hoạt động của các bang nhằm thể hiện tình tương thân tương ái, thông qua các hoạt động tập thể như xây dựng các hội quán, lập các miếu thờ, mở trường dạy tiếng Hoa, lập nghĩa địa riêng và tiến hành các sinh hoạt văn hóa - văn nghệ.

Ngoài yếu tố cùng một ngôn ngữ, một nguồn gốc địa phương, thành viên các bang người Hoa còn liên kết với nhau bằng dòng họ để có trách nhiệm tương trợ nhau khi xa quê hương, lo việc thờ cúng tổ tiên, hương hỏa gia tộc, giải quyết những khúc mắc giữa các thành viên cùng dòng họ. Những năm